

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ AN
(TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ)
MÃ NGÀNH: 8220201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4165/QĐ-NTT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2024

Ngành: NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4165/QĐ-NTT, ngày 03 tháng 6 năm 2024

của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN/TUYỂN SINH

1. Tên chương trình đào tạo

+ Tên tiếng Anh: English Linguistics

+ Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

2. Mã ngành: 8220201

3. Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia: Thạc sĩ – Bậc 7

4. Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

5. Niên khóa học bắt đầu áp dụng: 2024

6. Tên trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

7. Tên khoa quản lý chương trình: Khoa Ngoại ngữ

8. Website của chương trình/khoa

Website tiếng Việt: www.nn.ntt.edu.vn

Website tiếng Anh:

9. Tên bằng cấp

Thạc sĩ: Ngôn ngữ Anh

10. Vị trí việc làm của học viên tốt nghiệp

Người tốt nghiệp thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các vị trí:

- Chuyên viên nghiên cứu ngôn ngữ tại các trường, viện, trung tâm;
- Chuyên viên dịch thuật cao cấp tại các công ty tư vấn du học, công ty dịch thuật, phòng công chứng, hoặc các công ty có hoạt động dịch thuật;
- Giám đốc/quản lý chương trình tiếng Anh tại các trường, trung tâm;
- Giảng viên dạy tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm;
- Giáo viên dạy tiếng Anh, nhân viên dịch thuật tự do;
- Tự thành lập trường/trung tâm ngoại ngữ, công ty dịch thuật.

11. Các năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp

Năng lực 1: Nghiên cứu về ngôn ngữ Anh và mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học.

Năng lực 2: Dịch thuật và nghiên cứu về dịch thuật.

Năng lực 3: Giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ.

Năng lực 4: Tư duy phản biện, sáng tạo, sử dụng công nghệ

Năng lực 5: Kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm

Năng lực 6: Khả năng học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp

Năng lực 7: Chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

12. Phương thức đào tạo

- Số tín chỉ: 60 tín chỉ
- Độ dài chương trình: 02 năm
- Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường
- Các thời điểm tiếp nhận học viên: tháng 5, 9 và 12

13. Ngôn ngữ dạy và học: Tiếng Việt/ Tiếng Anh

14. Đảm bảo chất lượng

- Các bên liên quan của chương trình: Bao gồm giảng viên, học viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động, và các đối tác liên kết đào tạo trong và ngoài nước.

- Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: Thực hiện định kỳ thông qua khảo sát trực tuyến, phỏng vấn, hội thảo góp ý, và đối thoại giữa học viên – giảng viên – nhà trường. Ý kiến phản hồi được tổng hợp và phân tích để cải tiến chương trình đào tạo.

- Các mục tiêu chất lượng: Đảm bảo chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; tăng cường khả năng thích ứng của người học với thị trường lao động; và duy trì tỷ lệ việc làm cao sau tốt nghiệp.

15. Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh

- Giám đốc/Trưởng chương trình: TS. Hồ Văn Hận, hvhan@ntt.edu.vn ,
- Phó giám đốc/Phó trưởng chương trình: TS. Nguyễn Thanh Long, ntlong@ntt.edu.vn SĐT: 0986869506
- Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: tên, học vị, email, số điện thoại

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

16. Bối cảnh của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học bậc thạc sĩ của trường Đại học Nguyễn Tất Thành được cải tiến năm 2024 theo Thông báo số 39/TB-NTT ngày 01/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Chương trình được cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo:

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Chương trình được cải tiến theo định hướng ứng dụng, mang đến cho học viên cơ hội thực tập trải nghiệm thực tế ở nước ngoài. Chương trình dự kiến sẽ áp dụng cho trọn khoá đào tạo trước khi được rà soát điều chỉnh.

17. Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)

Sau khi tốt nghiệp, học viên tốt nghiệp có thể:

PEO1: Vận dụng kiến thức toàn diện, chuyên sâu về ngôn ngữ Anh và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại thực tế trong lĩnh vực ngành nghề để người học trở thành chuyên gia tại các doanh nghiệp/tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước.

PEO2: Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ năng nghiên cứu một cách sáng tạo và hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp để người học đạt được các kỹ năng cần thiết để nghiên cứu, phát triển chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa.

PEO3: Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, thể hiện tinh thần học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

18. Đối sánh quốc gia, quốc tế

- Các chương trình nước ngoài:
 - + CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Malaya, Malaysia;
 - + CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng của Trường Victoria, New Zealand.
- Các chương trình trong nước:
 - + CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Văn Lang;
 - + CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Công thương TPHCM.

19. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)

Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
Kiến thức		
PLO1	K1	Vận dụng (Apply) được thể giới quan, phương pháp luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.
PLO2	K2	Vận dụng (Apply) được các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hoá, văn học, dịch thuật, đào tạo ngôn ngữ Anh để phục vụ việc nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.
PLO3	K3	Tổng hợp (Synthesize) được kiến thức hoàn thiện về văn hóa, xã hội Anh – Mỹ trong nghiên cứu khoa học cũng như trong việc phát triển các nghiệp vụ chuyên ngành và liên ngành.
Kỹ năng		
PLO4	S1	Thành thạo (Master) kỹ năng mềm và ngoại ngữ thứ hai để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.
PLO5	S2	Thành thạo (Master) các kỹ năng tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên ngành.
PLO6	S3	Thiết kế (Design) các giải pháp khả thi trong nghiên cứu khoa học và trong công việc thực tế liên quan đến chuyên ngành.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	A1	Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

PLO8	A2	Thể hiện (Perform) thái độ tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu, đưa ra sáng kiến quan trọng có tính đổi mới sáng tạo có liên quan đến ngôn ngữ, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh.
-------------	-----------	---

Đối sánh Chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia

PLO	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	X	X	X									
PLO2	X	X	X									
PLO3	X	X										
PLO4					X	X		X				
PLO5					X			X				
PLO6				X	X		X					
PLO7									X	X	X	
PLO8									X	X	X	X

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
K1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo K2: Kiến thức chuyên ngành đào tạo, liên ngành có liên quan. K3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	S1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. S2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. S3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. S4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển	A1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. A2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. A3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. A4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

20. Điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bảo vệ luận văn/đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp luận văn/đề án được Hội đồng đánh giá đặt yêu cầu trả lời theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn/đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn/đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;

- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

21. Cơ hội học tập lên cao, nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn

- Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ có khả năng học lên Tiến sĩ các ngành Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ Anh, Phương pháp dạy học tiếng Anh, Quản lý giáo dục trong nước hoặc quốc tế.

- Cơ hội nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn: Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ có khả năng nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học; dịch thuật; giảng dạy tiếng Anh; xây dựng và/hoặc cải tiến chương trình giảng dạy tiếng Anh, góp phần nâng cao chất lượng dịch thuật và đào tạo tiếng Anh.

và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	
---	--

DẠY VÀ HỌC CHƯƠNG TRÌNH

22. Triết lý giáo dục

23.1. Triết lý giáo dục của nhà trường

Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

- A: Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.

- B: Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

- C: Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

- D: Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

23.2. Mối liên hệ giữa Triết lý giáo dục với chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (trình độ Thạc sĩ)		Triết lý giáo dục của Trường			
		A	B	C	D
Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	✓	✓	✓	
	Khoa học cơ bản	✓	✓	✓	
Khối kiến thức cơ sở ngành		✓	✓	✓	✓
Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		✓	✓	✓	✓
Khối kiến thức tốt nghiệp		✓	✓	✓	✓

23.3. Triết lý giáo dục của khoa, của chương trình

+ *Tầm nhìn*

Đến năm 2025 trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực ngôn ngữ và các lĩnh vực khoa học xã hội. Khoa phát triển mạnh mẽ và bền vững mối quan hệ hợp tác với các trường có uy tín cao trong khu vực và quốc tế.

+ *Sứ mạng*

Khoa Ngoại ngữ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động và sáng tạo trong lĩnh vực khoa học xã hội, làm việc một cách chuyên nghiệp và có đạo đức, cung cấp môi trường học thuật tiên tiến cho giảng viên và sinh viên dạy và học, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng nhằm đóng góp vào việc phát triển và nối kết nền văn hoá và kinh tế của Việt Nam với thế giới.

23. Cách tiếp cận dạy và học

- Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

- Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ được giảng dạy bằng nhiều phương pháp đa dạng, phù hợp với mục tiêu học phần và đặc thù của giảng dạy ngôn ngữ:

+ Chiến lược dạy học trực tiếp:

- thuyết trình (giảng giải): cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức của các học phần một cách khoa học, logic
- thực hành: giúp hình thành và phát triển kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng chuyên môn của sinh viên
- giải thích cụ thể: cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức của các học phần một cách khoa học, logic
- tham luận: Thông qua việc trao đổi với các chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tế qua các buổi talkshow, seminar ngoài chương trình, sinh viên có thể hiểu rõ hơn về kiến thức trong học phần, đặc biệt là kiến thức thực tế

+ Chiến lược dạy học gián tiếp:

- câu hỏi gợi mở: giúp sinh viên tự khám phá kiến thức thông qua các câu hỏi gợi mở của giảng viên
- giải quyết vấn đề: giúp sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu thông qua việc giải quyết các vấn đề cụ thể do giảng viên nêu ra
- học theo tình huống: giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.

+ Chiến lược dạy học trải nghiệm: thực tập thực tế giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại

các đơn vị. Qua đó, sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.

+ Chiến lược dạy học tương tác: tranh luận, thảo luận, học nhóm: giúp rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác; qua đó, sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.

+ Chiến lược tự học: bài tập ở nhà: giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời.

24. Đánh giá học viên

Đối với tất cả các học phần trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ thạc sĩ, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ theo điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên: có trọng số 20% tổng điểm đánh giá học phần;

- Điểm kiểm tra – đánh giá định kỳ: có trọng số 20% tổng điểm đánh giá học phần;

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số 60% tổng điểm đánh giá học phần.

Bài thi kết thúc học phần có thể được thực hiện bằng hình thức viết (tự luận, tự luận và trắc nghiệm), tiểu luận, báo cáo, đồ án.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do giảng viên phụ trách học phần xác định được Trưởng khoa phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần. Các hình thức đánh giá bộ phận có thể bao gồm chuyên cần, bài tập, thảo luận cặp/nhóm, thuyết trình, kiểm tra viết.

Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

▪ Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp học)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự tích cực	60	Tích cực tham gia các hoạt động học tập	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động học tập

Thời gian tham dự đầy đủ	40	6 buổi học	Từ 4 - 5 buổi học	Từ 3 - 4 buổi học	Từ 0 – 2 buổi học
--------------------------------	----	------------	----------------------	----------------------	----------------------

▪ Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

▪ Đánh giá bài thi viết

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Độ chính xác	80%	Hoàn thành bài thi 100%	Hoàn thành bài thi trên 75%	Hoàn thành trên 50% bài thi, còn viết sai chữ và sai ngữ pháp	Hoàn thành dưới 50% bài thi, không nhớ chữ viết, hiểu sai hoặc không hiểu ngữ pháp
Trình	20%	Trình bày	Trình bày tốt,	Chữ viết xấu,	Trình bày

bày		bài thi rõ ràng, chữ đẹp, viết đúng	dễ nhìn, viết đúng	viết sai	câu thả, chữ khó nhìn hoặc sai
-----	--	-------------------------------------	--------------------	----------	--------------------------------

▪ Đánh giá bài thi vấn đáp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Phát âm	20%	Đúng hoàn toàn	Khá đúng	Tương đối đúng	Hoàn thành không đúng
Độ lưu loát	20%	Rất lưu loát	Khá lưu loát	Tương đối lưu loát	Không lưu loát
Từ vựng và cấu trúc	20%	Dùng đúng từ vựng và cấu trúc	Dùng khá đúng từ vựng và cấu trúc	Dùng tương đối đúng từ vựng và cấu trúc	Dùng sai từ vựng và cấu trúc
Ý trả lời	40%	Thông tin trả lời đầy đủ	Thông tin trả lời khá đầy đủ	Thông tin trả lời tương đối đầy đủ	Thông tin trả lời không đầy đủ

▪ Đánh giá bài tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham gia	20	Rất nghiêm túc	Nghiêm túc	Tương đối nghiêm túc	Không nghiêm túc
Kỹ năng làm bài	20	Thực hiện rất nhanh, chính xác	Thực hiện nhanh, chính xác	Thực hiện tương đối nhanh, chính xác	Thực hiện chậm, thiếu chính xác
Chất lượng bài thực	60	Đúng 100%	Đúng trên 75%	Đúng trên 50%	Đúng dưới 50%

hành					
------	--	--	--	--	--

▪ Đánh giá thuyết trình

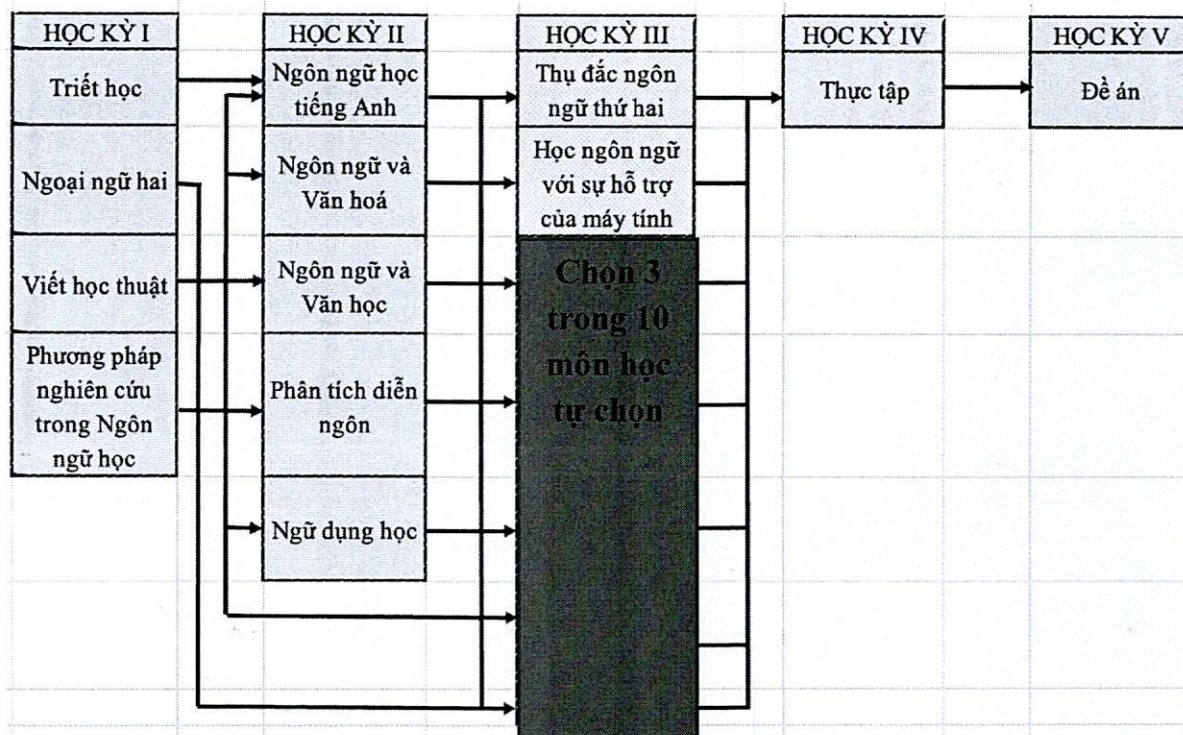
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Chất lượng slides thuyết trình	20	Trình bày rất đẹp và hấp dẫn	Trình bày đẹp và hấp dẫn	trình bày không đẹp và không hấp dẫn lắm	trình bày không đẹp, cầu thả
Kỹ năng thuyết trình	20	Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, thu hút người nghe	Diễn đạt khá rõ ràng, mạch lạc	Diễn đạt chưa rõ ràng, mạch lạc lắm	Diễn đạt không rõ ràng, mạch lạc
Nội dung thuyết trình (50%)	40	Thông tin đầy đủ, đúng trọng tâm	Thông tin khá đầy đủ, đúng trọng tâm	Thông tin tương đối đầy đủ, đúng trọng tâm	Thông tin không đầy đủ, hoặc không đúng trọng tâm
Khả năng tương tác	20	Thể hiện sự hiểu biết toàn diện và sâu rộng về vấn đề đang thuyết trình và trả lời tất cả những câu hỏi của khán giả	Thể hiện sự hiểu biết khá tốt về vấn đề đang thuyết trình và trả lời hầu hết những câu hỏi của khán giả	Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về vấn đề đang thuyết trình và trả lời một số câu hỏi của khán giả	Thể hiện sự hiểu biết sơ sài về vấn đề đang thuyết trình và không trả lời bất kì câu hỏi nào của khán giả

▪ Đánh giá tiểu luận (đề cương đề án)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Cách sử dụng tiếng Anh	10	Không có lỗi	Chỉ có 1 vài lỗi nhỏ, không gây ảnh hưởng nhiều đến việc hiểu ý của tác giả	Có 1 số lỗi, ảnh hưởng ít nhiều đến việc hiểu ý của tác giả	Có quá nhiều lỗi, gây khó khăn cho người đọc trong việc hiểu ý của tác giả
Trình bày	10	Đúng theo format quy định	Có 1 vài lỗi trong cách trình bày	Có khá nhiều lỗi trong cách trình bày	Có quá nhiều lỗi trong cách trình bày
Vấn đề nghiên cứu	20	Vấn đề được nêu rõ ràng, thuyết phục	Vấn đề được nêu rõ ràng, khá thuyết phục	Vấn đề được nêu chưa rõ ràng lắm, không được thuyết phục lắm	Vấn đề được nêu không rõ ràng
Cơ sở lý luận	30	Nêu đầy đủ, rõ ràng các cơ sở lý luận có liên quan	Nêu khá đầy đủ cơ sở lý luận có liên quan	Chưa nêu đầy đủ cơ sở lý luận cần thiết, nhiều thông tin không liên quan	Cơ sở lý luận hoàn toàn không có giá trị
Phương pháp nghiên cứu	30	Phương pháp, đối tượng và công cụ nghiên cứu hoàn toàn	Phương pháp, đối tượng và công cụ nghiên cứu khá phù hợp	Phương pháp, đối tượng và công cụ nghiên cứu chưa phù hợp lắm	Phương pháp, đối tượng và công cụ nghiên cứu chưa phù hợp

		phù hợp			
--	--	---------	--	--	--

25. Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình



26. Sự đóng góp của các môn học cho PLOs

(Ma trận mức độ đóng góp của môn học cho PLO theo thang IPM)

T T	Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra							
			PLO 1 K1	PLO 2 K2	PLO 3 K3	PLO 4 S1	PLO 5 S2	PLO 6 S3	PLO 7 A1	PLO 8 A2
1	1101073318	Triết học	I							P
2	MAE822G01 MAE822G02 MAE822G03	Ngoại ngữ 2			I	I	I			P
3	MAE822F01	Viết học thuật	I		I	I	I			P
4	MAE822F02	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học	I		I	P	I			P

		(Applied Linguistics)								
19	MAE822S14	Phong cách học tiếng Anh (English Stylistics)	M		M	P	M	M	M	
20	MAE822S15	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose)	M		M	P	M	M	M	
21	MAE822S16	Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional Grammar)	M		M	P	M	M	M	
22	MAE822R01	Thực tập		M	M	M	M	M	M	
23	MAE822R02	Đề án		M	M	M	M	M		M

27. Chương trình phân bổ theo học kỳ

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ I			13	165	60	245		
1	1101073318	Triết học (Philosophy)	3	45	0	105	Elearning	Đánh giá tiến trình: chuyên cần, thảo luận nhóm, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
2		Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language)	4	60	0	140	Thuyết trình, diễn trình, thực	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
	MAE822G01 MAE822G02 MAE822G03	<i>Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ:</i> -Tiếng Hàn - Korean Language - Tiếng Trung – Chinese Language - Tiếng Nhật – Japanese Language					hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tổng kết: kiểm tra viết và vấn đáp
3	MAE822F01	Viết học thuật (Academic Writing)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, học nhóm, tự học	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết Chương 1 và 2 của một đề án)
4	MAE822F02	Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận (viết đề cương đề án)

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ II				210	0	490		
5	MAE822F03	Ngôn ngữ học Tiếng Anh (English Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
6	MAE822S01	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
7	MAE822S02	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	30	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận,	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							học nhóm	
8	MAE822S03	Ngôn ngữ và Văn hoá (Language and Culture)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
9	MAE822S04	Ngôn ngữ và Văn học (Language and Literature)	2	45	0	70	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
HỌC KỲ III				210	30	510		
10	MAE822S05	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống,	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							tranh luận, thảo luận, học nhóm	
11	MAE822S06	Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning)	3	30	30	90	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
Chọn 3 trong 10 môn								
12	MAE822S07	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho người nước ngoài (TESOL Methodology)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiểu luận
13	MAE822S08	Phương pháp dạy phát âm (Pronunciation Pedagogy)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình	Đánh giá tiến trình: thuyết trình, thực hành dạy Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	
14	MAE822S09	Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy (Curriculum Design and Materials Development)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
15	MAE822S10	Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
16	MAE822S11	Dịch thuật (Translation Studies)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống,	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							tranh luận, thảo luận, học nhóm	
17		Ngôn ngữ học cấu trúc (Structuralism in Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
18		Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
19		Phong cách học tiếng Anh (English Stylistics)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận,	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận

T T	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							thảo luận, học nhóm	
20		Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purpose)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
21		Ngữ pháp hệ thống chức năng (System Functional Grammar)	3	45	0	105	Thuyết trình, diễn trình, thực hành, câu hỏi gọi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống, tranh luận, thảo luận, học nhóm	Đánh giá tiến trình: bài tập, thuyết trình Đánh giá tổng kết: tiểu luận
HỌC KỲ IV			9	0	270	180		
22	MAE822R01	Thực tập (Internship)	9	0	270	180	Trải nghiệm thực tế	Viết báo cáo
HỌC KỲ V			9	0	270	180		
23	MAE822R02	Đề án (Project)	9	0	270	180	Làm đề án	Viết báo cáo Thuyết trình kết quả

28. Lộ trình học tập

(mối liên quan và thứ tự của các môn học)

29. Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của học viên

Việc đánh giá quá trình đạt PLOs của học viên được thực hiện thường xuyên trong quá trình học tập. Các PLOs được chuyển thành các CDR môn học và xây dựng các rubric đánh giá từng hình thức kiểm tra phù hợp.

Thông qua kết quả tổng kết mức độ hoàn thành các bài kiểm tra đánh giá theo rubric sẽ đánh giá được mức độ đạt được PLOs của học viên.

III. ĐIỀU KIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

30. Môi trường học tập của nhà trường và khoa

- Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình:

+ Phòng học thông minh Smartclass

+ Phòng học E-learning

- Danh sách các hoạt động thực tập với doanh nghiệp của chương trình:

+ Chương trình trải nghiệm nghề nghiệp thực tế được thực hiện tại trường Malaysia; Philippines, và Úc...

+ Nếu việc trải nghiệm nghề nghiệp thực tế không thể triển khai ở nước ngoài được do các điều kiện khách quan hoặc chủ quan, chương trình sẽ được thực hiện tại các cơ quan doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ, dịch thuật, giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam, bao gồm các đối tác của khoa, các trung tâm ngoại ngữ, các trường phổ thông, các tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước mà khoa có kết nối.

31. Hệ thống hỗ trợ học viên

- Đào tạo: Viện đào tạo sau Đại học phối hợp với Khoa Ngoại ngữ tổ chức xây dựng chương trình đào tạo và triển khai kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ. Học viên có thể liên hệ Khoa và Viện để được giải quyết các vấn đề học vụ.

- Hỗ trợ về tài chính và học bổng: Chính sách hỗ trợ tuyển sinh cho các đối tượng được nhà trường ban hành theo thông báo số của nhà trường cho các đối tượng như GV-CBNV nhà trường, cựu sinh viên NTTU, thầy cô các trường THPT,...

- Giới thiệu cơ hội thăng tiến và khởi nghiệp: Khoa có kết nối với nhiều Trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm ngoại ngữ, Công ty tư vấn du học, Công ty dịch thuật và đội ngũ giảng viên doanh nghiệp giúp học viên có cơ hội được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ, dịch thuật và đào tạo tiếng Anh.
- Tư vấn học thuật: Khoa có chuyên viên chuyên trách về công tác tư vấn, hỗ trợ học vụ cho học viên.
- Chăm sóc sức khỏe và đời sống: Tổ y tế nhà trường tại các cơ sở luôn sẵn sàng hỗ trợ người học có nhu cầu.
- Các dịch vụ thư viện:
 - + Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có 03 Thư viện đặt tại 3 cơ sở của Trường;
 - + Không gian Thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của học viên như phòng học nhóm, khu tự học, phòng hội thảo, phòng tra cứu thông tin, phòng tạp chí chuyên ngành, kho tài liệu, phòng tập gym, ...
 - + Tài liệu in: sách tham khảo, giáo trình, tạp chí chuyên ngành và tài liệu tham khảo khác.
 - + Tài liệu online: Các cơ sở dữ liệu quốc tế như ProQuest Central, Springer Link, IEEE Xplore, ScienceDirect, IG Publishing, Credo Reference, SAGE e-Journals Collection, Emerald e-Journals Collection, ...
- Các cơ sở dữ liệu và liên kết mạng lưới thư viện trong nước: cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ quốc gia Việt Nam, Mạng lưới thông tin khoa học công nghệ Tp.HCM, Thư viện pháp luật Việt Nam, ...
- Các dịch vụ hỗ trợ cho học viên quốc tế:
 - Các dịch vụ đảm bảo chất lượng bên trong: Tổ đảm bảo chất lượng của Khoa luôn đảm bảo việc tuyển sinh và đào tạo của Khoa tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

32. Ngày ban hành bản mô tả chương trình: 03 / 6 / 2024

33. Ngày cập nhật cuối cùng: 03 / 6 / 2024


HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)



TS Hồ Văn Hân

Phụ lục I

Mô tả tóm tắt của các môn học

Triết học: 3 tín chỉ

Học phần này nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.

Học phần này bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 7 bài, với thời lượng 45 tiết, trong đó học viên được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Bài 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Bài 2: Khái luận về triết học phương Đông; Bài 3: Khái luận về triết học phương Tây; Bài 4: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật biện chứng; Bài 5: Khái lược về triết học Mác – Lênin phần chủ nghĩa duy vật lịch sử; Bài 6: Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Bài 7: Triết học về con người.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngoại ngữ 2: 4 tín chỉ

Tiếng Hàn

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ Topik cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ Topik cấp độ 4.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Tiếng Trung

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ HSK cấp độ 3, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ HSK cấp độ 4 và HSKK (Khẩu ngữ) trung cấp.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Tiếng Nhật

Dựa trên nền tảng kiến thức đã học ở bậc Đại học và trình độ đầu vào tương đương chứng chỉ N4, học phần này cung cấp cho học viên lượng từ vựng, kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp, đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, để học viên có thể đạt trình độ N3.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 60 tiết lý thuyết, 140 tiết tự học.

Viết học thuật: 3 tín chỉ

Học phần này bao gồm hai phần chính:

(i) Viết học thuật: phần này giúp học viên củng cố kiến thức cơ bản về ngữ đoạn (phrases), mệnh đề (clauses), câu (sentences), đoạn văn (paragraphs) và bài luận (essays) trong tiếng Anh và các vấn đề ngôn ngữ trong viết học thuật (language issues); và giới thiệu khái niệm viết học thuật, các đặc điểm và yêu cầu của viết học thuật;

(ii) Ứng dụng kỹ năng viết học thuật: phần này hướng dẫn học viên cách đề cương cho đề án; đồng thời học viên có cơ hội thảo luận, làm bài tập, và thực hành viết đề cương cho đề án thạc sĩ - đây là bước nền tảng giúp học viên có khái niệm tổng quan về yêu cầu của đề án thạc sĩ, từ đó học viên có thể thiết lập lộ trình chuẩn bị cho việc thực hiện viết đề án sau này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Phương pháp nghiên cứu trong Ngôn ngữ học: 3 tín chỉ

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học có hệ thống và chuyên nghiệp ở nhiều lĩnh vực. Cụ thể, học phần giúp học viên phân biệt các loại nghiên cứu, hướng dẫn cách đặt câu hỏi nghiên cứu, khảo cứu tài liệu, phát triển giả thuyết và khung lý thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp và phân tích dữ liệu định tính và định lượng. Học phần còn giúp học viên có khả năng tổng hợp các nội dung này vào chiến lược nghiên cứu một cách hợp lý.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Ngôn ngữ học tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần này giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực trọng tâm của ngôn ngữ học tiếng Anh như cú pháp học, ngữ âm học, âm vị học, ngữ nghĩa học, hình thái học. Học phần này còn giúp học viên tiếp cận với những nghiên cứu mới nhất về từng lĩnh vực ngôn ngữ nêu trên; qua đó, học viên sẽ có sự hiểu biết sâu hơn về hệ thống ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngôn ngữ học tiếng Anh, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy Ngôn ngữ học tiếng Anh.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phân tích diễn ngôn: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các cách tiếp cận với việc phân tích diễn ngôn đối với văn bản nói và viết. Cụ thể, học viên được tiếp cận với các yếu tố ảnh hưởng đến ý nghĩa của người nói/người viết. Qua đó, học viên có thể liên hệ với việc giảng dạy Tiếng Anh cũng như với việc dịch thuật Anh-Việt. Học phần này bao gồm các chủ đề tổng quan về phân tích diễn ngôn, và các kiến thức nền tảng về phân tích diễn

ngôn như là văn bản và mối quan hệ của văn bản với văn hoá (discourse and its relation to culture), thế giới quan và hệ tư tưởng (worldviews and ideology), cấu trúc văn bản (discourse structure), và văn bản và phương tiện (discourse and medium).

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngữ dụng học: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các thuật ngữ và khái niệm chính trong lĩnh vực ngữ dụng học, các vấn đề lý thuyết và thực hành của việc giảng dạy ngữ dụng học, và các vấn đề về sử dụng sách giáo khoa và phát triển tài liệu cho việc giảng dạy ngữ dụng học. Đồng thời, học phần này còn bao gồm các vấn đề về ngữ dụng học trong giao tiếp liên văn hóa nhằm nâng cao nhận thức của học viên về ngữ dụng học của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, cũng như các ngôn ngữ khác.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ và Văn hoá: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Từ đó, học viên sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về lịch sử phát triển của ngữ học văn hóa (cultural linguistics), về ngữ học sắc tộc (ethnolinguistics), về giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication), về sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa ... Qua đó, học viên sẽ có nhận thức cao hơn về mối quan hệ phức tạp giữa ngôn ngữ và văn hóa, thông qua yếu tố ngôn ngữ để hiểu hơn về văn hoá và thông qua yếu tố văn hoá để hiểu hơn về ngôn ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ và Văn học: 2 tín chỉ

Học phần này giúp học viên làm quen với phong cách viết và hướng dẫn học viên cách áp dụng kiến thức ngôn ngữ học vào việc phân tích văn chương. Trước tiên, học viên sẽ được ôn lại các kiến thức trọng tâm về ngôn ngữ học, sau đó sẽ được hướng dẫn cách thức phân tích các tác phẩm văn chương bằng kiến thức ngôn ngữ học đã có. Học viên sẽ có cơ hội tiếp cận với phong cách phê bình văn chương, với nhiều thể loại văn chương gắn liền với các nền văn hoá khác nhau từ thơ ca và các tác phẩm văn học đương đại đến truyện tranh và quảng cáo. Nhờ đó, học viên sẽ nắm vững cả 2 lĩnh vực: ngôn ngữ học và văn chương.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết và 70 tiết tự học.

Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên các học thuyết chính về thụ đắc ngôn ngữ hai từ nhiều góc nhìn. Học phần bao quát các quan điểm hiện đại về thụ đắc ngôn ngữ hai, gồm quan điểm, phạm vi và cách từng quan điểm nhìn nhận về ngôn ngữ, người học, và quá trình thụ đắc ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn học viên cách thức áp dụng các học thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào việc dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính: 3 tín chỉ

Học phần này giới thiệu cho học viên nhiều vấn đề có liên quan đến việc học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (CALL). Cụ thể, học phần này nghiên cứu các khía cạnh cốt lõi của CALL, cung cấp cho học viên nhiều thông tin, tài liệu và tài nguyên hữu ích cho giáo viên, nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu và đặc biệt là người học ngôn ngữ. Thông qua các hoạt động thảo luận, học viên hiểu rõ hơn về vai trò của máy tính trong học ngôn ngữ và cách thức sử dụng máy tính trong việc học ngoại ngữ một cách hiệu quả.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

Phương pháp dạy tiếng Anh cho người nước ngoài: 3 tín chỉ

Học phần này bao quát các vấn đề chính trong dạy ngữ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc, kỹ năng viết, kỹ năng nói, và kỹ năng nghe. Học phần hướng dẫn cho học viên cách vận dụng kết quả nghiên cứu hiện đại về phương pháp dạy tiếng Anh vào lớp học, nhấn mạnh những ảnh hưởng của kiến thức hiện đại trong việc dạy học, và tìm hiểu ý nghĩa của “methods” và “methodology” và ảnh hưởng của nhận thức, quan điểm, kiến thức của giáo viên trong việc dạy học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phương pháp dạy phát âm: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc dạy phát âm tiếng Anh cũng như việc chọn giáo trình giảng dạy bộ môn phát âm. Cụ thể, học viên sẽ được giảng dạy lý thuyết chuyên sâu về ngữ âm học và những vấn đề liên quan đến phát âm tiếng Anh của người học. Đồng thời, học viên sẽ nghiên cứu sâu rộng và tìm hiểu một cách chi tiết các nguyên lý cốt lõi và phương pháp giảng dạy phát âm hiện đại, tính ứng dụng của những kết quả nghiên cứu hiện thời trong thực tiễn giảng dạy phát âm tiếng Anh. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội rèn luyện và phát triển kỹ năng giảng dạy bộ môn phát âm một cách khoa học và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Thiết kế chương trình và tài liệu giảng dạy: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức, nguyên lý và kỹ năng trong việc thiết kế, đánh giá và cải tiến chương trình tiếng Anh cũng như giáo trình giảng dạy. Cụ thể, học viên sẽ tìm hiểu và nghiên cứu về các loại khóa học, nội dung chương trình và giáo trình cũng như những nguyên lý cốt lõi trong thiết kế chương trình và phát triển tài liệu giảng dạy để có thể tự mình đánh giá các khóa học tiếng Anh và học liệu dựa trên những nguyên lý này. Bên cạnh đó, học viên còn có cơ hội

phát triển kỹ năng phân tích nhu cầu người học, xác định mục tiêu khóa học, nội dung dạy và học để có thể thiết kế chương trình và giáo trình một cách khoa học.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Trước tiên, học viên được tiếp cận với những vấn đề thường gặp trong thực tế về kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ; qua đó, học viên sẽ hiểu hơn về các vấn đề thuộc lĩnh vực này. Cụ thể, học viên sẽ được hiểu về mục đích của kiểm tra đánh giá, cách thức kiểm tra đánh giá các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills), các kỹ năng sản sinh (productive skills) và các kỹ năng tương tác (interactive skills), cũng như các xu hướng hiện nay trong kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ. Ngoài ra, học viên được khuyến khích phát triển tư duy phê phán về kiểm tra đánh giá và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề kiểm tra đánh giá trong bối cảnh làm việc cụ thể.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Dịch thuật: 3 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm. Ngoài ra, học phần này còn giúp học viên tiếp cận với các nghiên cứu mới nhất về dịch thuật, các vấn đề thường gặp trong dịch thuật và những giải pháp cho các vấn đề này.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ học cấu trúc: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức về lịch sử phát triển trường phái cấu trúc luận trong ngôn ngữ học; về sự hình thành và phát triển của cấu trúc luận trong ngôn ngữ học; nêu ra những đóng góp của các trường phái cấu trúc luận trong việc nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngôn ngữ học ứng dụng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học tri thức về 3 bình diện của ngôn ngữ học ứng dụng là kí hiệu học ngôn ngữ, giáo dục ngôn ngữ và các dịch vụ thông tin ngôn ngữ. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức về phương pháp và kỹ năng trong phân tích, đánh giá từng bình diện, đồng thời định hướng cho người học thực hành các kỹ năng đó trong thực tế tiếng Việt và/ hoặc các ngoại ngữ khác.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Phong cách học tiếng Anh: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu với người học một bức tranh tổng thể về lý thuyết và thực hành phong cách học tiếng Anh; giúp người học nghiên cứu và giải thích các tất cả các loại văn bản (cả văn bản nói và văn bản viết) về mặt phong cách ngôn ngữ và âm điệu. Phong cách ở đây là sự đa dạng của ngôn ngữ được sử dụng bởi các cá nhân khác nhau hay trong các tình huống và ngữ cảnh khác nhau; giúp người học lý giải hoặc thiết lập các nguyên lý nhằm giải thích những lựa chọn cụ thể của cá nhân và nhóm xã hội khi họ sử dụng ngôn ngữ như vậy. Bên cạnh đó, phong cách học tiếng Anh cũng đã và đang trở thành một phương pháp được đánh giá cao trong dạy và học ngôn ngữ, vì nó liên hệ chặt chẽ với một nguồn tài nguyên rộng lớn của hệ thống ngôn ngữ từ các tác phẩm kinh điển đến các văn bản phổ thông, từ các mẫu tin quảng cáo, đoạn tin tức, đến văn bản phi hư cấu thuộc văn hóa đại chúng lẫn nghị luận chính trị và tôn giáo. Hơn nữa, phong cách học cũng giúp người học hình thành khả năng vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ trong nhiều lĩnh vực của đời sống hằng ngày.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Tiếng Anh chuyên ngành: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của các chuyên ngành phổ biến và quan trọng trong giai đoạn hiện tại như tài chính – ngân hàng, môi trường, quản trị kinh doanh, công nghệ tự động, công nghệ thông tin, điều dưỡng vì đây là một trong những bộ môn hết sức quan trọng trong tiến trình hội nhập với nền kinh tế thế giới của Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho người học các kỹ thuật khai thác bài đọc, tài liệu để người học hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói, đọc – viết để ứng dụng ngôn ngữ vào việc phục vụ nhu cầu giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Ngữ pháp hệ thống chức năng: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và nâng cao về học thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống; trong đó ngữ pháp được mô tả là các hệ thống với siêu chức năng chứ không phải là các quy tắc và ngôn ngữ được coi là phương tiện giao tiếp giữa con người với nhau trong các bối cảnh xã hội và văn hóa khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức về khung phân tích ngữ pháp và ý nghĩa theo 3 khía cạnh: diễn giải kinh nghiệm (thành phần ý tưởng), thể hiện các mối quan hệ xã hội đa dạng và phức tạp của con người (thành phần liên nhân), và thể hiện thông tin được cấu trúc trong câu và văn bản (chức năng văn bản). Ngoài ra, người học còn được thúc đẩy nâng cao nhận thức của mình về cách ngôn ngữ được sử dụng để truyền đạt ý nghĩa thông qua việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp trong các tình huống.

Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 tiết lý thuyết và 105 tiết tự học.

Thực tập: 9 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp thực tế. Học viên sẽ được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tiên tiến trong hoặc ngoài nước, làm quen và tìm hiểu các công việc học viên có thể làm sau tốt nghiệp như dịch thuật và/hoặc nghiên cứu về dịch thuật, xây dựng và/hoặc nghiên cứu về chương trình đào tạo, giảng dạy và/hoặc nghiên cứu về giảng dạy tiếng Anh. Đây là cơ hội giúp học viên ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công việc; từ đó, học viên có cơ sở đầy đủ hơn, chính xác hơn cho việc xác hướng hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Thời lượng học phần này là 270 tiết thực hành và 180 tiết tự học.

Đề án: 9 tín chỉ

Học phần này nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu và thực hiện đề tài khoa học về chuyên ngành đã học sau khi hoàn thành các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học viên có thể thực hiện nghiên cứu về ngôn ngữ; mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ, văn hoá và văn học; dịch thuật và đào tạo tiếng Anh. Đây là tiền đề quan trọng để học viên lựa chọn nghề nghiệp của mình như nghiên cứu, dịch thuật, đào tạo tiếng Anh hoặc tiếp tục theo học bậc cao hơn.

Thời lượng học phần này là 270 tiết thực hành và 180 tiết tự học.